

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

TÀI SẢN	Mã số	Năm 2007	Năm 2006
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1,154,866,745,034	569,369,456,452
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	275,040,817,335	103,897,171,188
1. Tiền	111	275,040,817,335	103,897,171,188
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	377,340,837,895	20,304,871,250
1. Đầu tư ngắn hạn	121	417,787,388,406	20,852,655,365
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	(40,446,550,511)	(547,784,115)
III. Các khoản phải thu	130	374,772,259,849	281,607,697,786
1. Phải thu của khách hàng	131	217,531,861,346	165,161,275,745
2. Trả trước cho người bán	132	59,854,846,131	22,309,542,795
3. Phải thu nội bộ	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	97,861,416,371	94,875,577,762
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	(475,863,998)	(738,698,516)
IV. Hàng tồn kho	140	5,922,702,085	5,611,552,070
1. Hàng tồn kho	141	5,922,702,085	5,611,552,070
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	121,790,127,870	157,948,164,158
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5,235,387,563	2,137,380,683
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	-	79,478,441
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	19,263,351,715	2,924,242,000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	97,291,388,592	152,807,063,034

TÀI SẢN	Mã số	Năm 2007	Năm 2006
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1,994,722,927,788	823,507,501,223
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II. Tài sản cố định	210	1,141,228,604,648	592,168,949,825
1. Tài sản cố định hữu hình	221	952,611,701,388	521,589,980,997
<i>Nguyên giá</i>	222	1,289,520,880,960	896,806,620,588
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(336,909,179,573)	(375,216,639,591)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	21,598,904,540	26,058,746,610
<i>Nguyên giá</i>	225	31,085,573,565	31,085,573,565
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226	(9,486,669,025)	(5,026,826,955)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10,255,210,090	9,808,811,194
<i>Nguyên giá</i>	228	10,315,279,522	9,815,908,410
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	(60,069,432)	(7,097,216)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	156,762,788,630	34,711,411,024
III. Bất động sản đầu tư	240	-	-
<i>Nguyên giá</i>	241	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	817,488,427,089	208,067,033,625
1. Đầu tư vào công ty con	251	5,000,000,000	8,250,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	149,105,235,000	86,279,813,536
3. Đầu tư dài hạn khác	258	663,383,192,089	113,537,220,089
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	-	-
V. Lợi thế thương mại	260	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270	36,005,896,051	23,271,517,773
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	2,857,767,715	6,984,162,741
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	5,032,310,987	5,032,310,987
3. Tài sản dài hạn khác	278	28,115,817,349	11,255,044,045
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	3,149,589,672,821	1,392,876,957,675

NGUỒN VỐN	Mã số	Năm 2007	Năm 2006
A - NỢ PHẢI TRẢ	300	865,942,574,139	737,421,260,315
I. Nợ ngắn hạn	310	444,508,331,844	437,779,213,877
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	403,070,480	95,175,451,104
2. Phải trả cho người bán	312	163,768,394,377	171,838,287,510
3. Người mua trả tiền trước	313	17,169,285,010	8,258,906,178
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	52,973,876,290	33,308,659,372
5. Phải trả công nhân viên	315	25,882,931	1,638,076,996
6. Chi phí phải trả	316	38,245,175,041	21,758,275,898
7. Phải trả nội bộ	317	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	171,922,647,715	105,801,556,820
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
II. Nợ dài hạn	320	421,434,242,295	299,642,046,438
1. Phải trả dài hạn người bán	321	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323	101,640,000	101,640,000
4. Vay và nợ dài hạn	324	421,254,201,001	298,240,829,841
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325	-	185,156,712
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	78,401,294	1,114,419,885
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	2,262,071,248,156	636,656,890,898
I. Vốn chủ sở hữu	410	2,242,256,882,863	624,729,397,331
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	537,535,795,649	345,230,340,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	1,366,907,462,400	40,979,565,250
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	6,852,587,253	64,945,188,649
Cổ phiếu ngân quỹ	413	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415	-	778,567,525
Quỹ đầu tư phát triển	416	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	417	7,218,667,273	366,080,020
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418	-	5,825,431,247
Lợi nhuận chưa phân phối	419	323,742,370,288	166,604,224,640
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420	19,814,365,293	11,927,493,567
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421	19,814,365,293	11,927,493,567
2. Nguồn kinh phí	422	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	423	-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	21,575,850,527	18,798,806,461
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430	3,149,589,672,821	1,392,876,957,675

Người Lập

Kế toán trưởng

Hồ chí Minh, Ngày 20 tháng 01 năm 2008
Tổng Giám Đốc